

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MIỀN

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG
Ở TỈNH NAM ĐỊNH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MIỀN

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG
Ở TỈNH NAM ĐỊNH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH : KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Mã số: 62.31.01.05

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN THỊ THƠM

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	6
1.1. Những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án.....	6
1.2. Đánh giá chung về những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	22
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở ĐỊA BÀN CẤP TỈNH	25
2.1. Khái niệm và nội dung phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	25
2.2. Chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở địa bàn cấp tỉnh	35
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở địa bàn cấp tỉnh	44
2.4. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của một số địa phương và bài học rút ra cho tỉnh Nam Định.....	52
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NAM ĐỊNH	62
3.1. Những thuận lợi và khó khăn của tỉnh Nam Định trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.....	62
3.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2006 - 2016.....	68
3.3. Đánh giá chung về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2006 - 2016.....	95
Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NAM ĐỊNH ĐẾN NĂM 2030	117
4.1. Bối cảnh mới và định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định đến năm 2030	117
4.2. Giải pháp cơ bản nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định đến năm 2030.....	125
KẾT LUẬN	151
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	153
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	153
PHỤ LỤC	166

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ATVSTP	: An toàn vệ sinh thực phẩm
BĐKH	: Biến đổi khí hậu
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BVTV	: Bảo vệ thực vật
CCKT	: Cơ cấu kinh tế
CĐLK	: Cánh đồng liên kết
CĐML	: Cánh đồng mẫu lớn
CMKT	: Chuyên môn kỹ thuật
CNCB	: Công nghiệp chế biến
CNH,HDH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
ĐBSH	: Đồng bằng sông Hồng
DN	: Doanh nghiệp
ĐTĐ	: Đào tạo nghề
GTNT	: Giao thông nông thôn
GTSX	: Giá trị sản xuất
HTX	: Hợp tác xã
KCHT	: Kết cấu hạ tầng
KH&CN	: Khoa học và công nghệ
KHCN	: Khoa học công nghệ
KHKT	: Khoa học kỹ thuật
NN&PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NSLĐ	: Năng suất lao động
NTM	: Nông thôn mới
NTTS	: Nuôi trồng thủy sản
ONMT	: Ô nhiễm môi trường
PTBV	: Phát triển bền vững
PTNN	: Phát triển nông nghiệp
SXNN	: Sản xuất nông nghiệp
TNBQ	: Thu nhập bình quân
TNTN	: Tài nguyên thiên nhiên
UBND	: Ủy ban nhân dân
WTO	: Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở địa bàn cấp tỉnh	43
Bảng 3.1: Tỷ lệ VAnn/Gonn tỉnh Nam Định (theo giá so sánh 2010) giai đoạn 2006 - 2016.....	72
Bảng 3.2: Cơ cấu ngành trồng trọt tỉnh Nam Định giai đoạn 2006 - 2016.....	75
Bảng 3.3: Số việc làm và tỷ lệ việc làm thủy sản trong tổng số việc làm ngành nông nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2016 (việc làm trong độ tuổi).....	81
Bảng 3.4: Tỷ lệ hộ nghèo nông nghiệp tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2016.....	82
Bảng 3.5: Hệ số co giãn của nghèo với tăng trưởng nông nghiệp Nam Định giai đoạn 2006 - 2016.....	83
Bảng 3.6: Tốc độ tăng lượng thuốc BVTV sử dụng qua các vụ (2013-2014).....	89
Bảng 3.7: Tổng hợp đánh giá PTNN theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2016.....	98
Bảng 3.8: Trình độ CMKT của lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản Nam Định trong độ tuổi lao động	104

DANH MỤC CÁC BIỂU, HÌNH

Biểu đồ 3.1: Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp Nam Định theo giá so sánh 2010 giai đoạn 2006-2016	68
Biểu đồ 3.2: Động thái tăng trưởng nông nghiệp Nam Định, Thái Bình và cả nước theo giá so sánh 2010 giai đoạn 2006-2016	69
Biểu đồ 3.3: Năng suất lao động nông nghiệp Nam Định và cả nước theo giá hiện hành giai đoạn 2006-2016	70
Biểu đồ 3.4: Hiệu quả đầu tư nông nghiệp Nam Định và cả nước theo giá hiện hành giai đoạn 2007 - 2016	71
Biểu đồ 3.5: Tỷ lệ VAnn/GOnn Nam Định, Thái Bình và cả nước theo giá so sánh năm 2010 giai đoạn 2006-2016	72
Biểu đồ 3.6: Tỷ trọng thủy sản trong GTSX ngành nông nghiệp tỉnh Nam Định theo giá hiện hành giai đoạn 2006-2016.....	73
Biểu đồ 3.7: Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm ngành nông nghiệp thuần Nam Định theo giá hiện hành giai đoạn 2006-2016.....	74
Biểu đồ 3.8: Cơ cấu GTSX (%) ngành chăn nuôi Nam Định giai đoạn 2006-2016	76
Biểu đồ 3.9: Chuyển dịch cơ cấu GTSX ngành thủy sản Nam Định giai đoạn 2006-2016	77
Biểu đồ 3.10: TNBQ/người/năm của nhân khẩu nông nghiệp Nam Định theo giá hiện hành giai đoạn 2006-2016.....	83
Biểu đồ 3.11: TNBQ/người/năm theo giá hiện hành giữa nông nghiệp, phi nông nghiệp và thành thị Nam Định giai đoạn 2006-2016	85
Biểu đồ 3.12: Giá trị sản phẩm thu được/ha đất nông nghiệp Nam Định giai đoạn 2006 - 2016	87
Biểu đồ 3.13: Diện tích rừng ngập mặn và tốc độ giảm diện tích rừng ngập mặn của Nam Định giai đoạn 2006-2016	94
Hình 2.1: Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	31

MỞ ĐẦU

Nông nghiệp là ngành kinh tế có vị trí đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Mặc dù ngày càng chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong cơ cấu GDP, song ý nghĩa và tầm quan trọng của ngành nông nghiệp không ngừng tăng lên. Ngoài cung cấp lương thực, thực phẩm nuôi sống con người, nông nghiệp còn cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành kinh tế khác. Đối với các nước đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) như Việt Nam, nông nghiệp còn góp phần quan trọng vào tạo việc làm, tạo thu nhập cho đại bộ phận dân cư và xóa đói giảm nghèo. Nông nghiệp thực hành tốt góp phần giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường (BVMT) và sự đa dạng sinh học.

Sau 30 năm đổi mới và phát triển, nông nghiệp Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế của mình với việc cung cấp sinh kế trực tiếp cho 8,61 triệu hộ nông, lâm, thủy sản [6, tr.17], tạo việc làm cho 44% lao động (trên 23 triệu người) [106, tr.138], đóng góp trên 17% GDP cho nền kinh tế [106, tr.170] và gần 20% giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập sâu rộng và biến đổi khí hậu (BĐKH) ngành nông nghiệp nước ta đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đó là: sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà sản xuất nước ngoài có cùng chủng loại nông sản ở thị trường trong và ngoài nước; thời tiết cực đoan, xâm nhập mặn, dịch bệnh và ô nhiễm môi trường (ONMT) gia tăng; đa dạng sinh học suy giảm. Trong khi đó, các nguồn lực cần thiết cho sản xuất nông nghiệp (SXNN), như: đất đai, chất lượng nguồn lao động và vốn đầu tư cho nông nghiệp đang ở mức thấp; công nghệ sản xuất lạc hậu; một số yếu tố đầu vào cho SXNN còn phụ thuộc vào nước ngoài (máy móc, phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu...) đã làm cho sản xuất và kinh doanh nông nghiệp không hiệu quả, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của đất nước. Điều này đã hạn chế tốc độ tăng trưởng nông nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người SXNN. Nhằm khắc phục tình trạng này, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững.

Nam Định là tỉnh ven biển nằm ở phía Nam đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), có nhiều tiềm năng để phát triển SXNN toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (NTTS) và trồng rừng ngập mặn. Mặc dù là địa phương có công

ng nghiệp, làng nghề tương đối phát triển, song đến nay nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất quan trọng, đóng góp lớn vào kết quả phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Năm 2016, ngành nông nghiệp Nam Định tạo việc làm cho gần 60% lao động xã hội và cung cấp sinh kế cho khoảng 80% dân số, đóng góp 22,99% vào giá trị gia tăng của Tỉnh [25, tr.47]. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp Nam Định vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém như chất lượng tăng trưởng nông nghiệp thấp; chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp diễn ra một cách chậm chạp; thu nhập và đời sống của người SXNN thấp, tình trạng ONMT gia tăng. Đặc biệt, SXNN của tỉnh đang chịu tác động của BĐKH ngày càng gia tăng. Hàng năm, Nam Định phải hứng chịu từ 2 đến 4 cơn bão với cường độ lớn, bất thường, khó dự đoán; tình trạng sâu bệnh, ngập úng, khô hạn làm thoái hóa đất nông nghiệp ngày càng gia tăng, xâm nhập mặn ngày càng lấn sâu nội đồng, đa dạng sinh thái ngày càng suy giảm nên SXNN của Tỉnh không hiệu quả, kém bền vững, chưa đảm bảo cuộc sống cho nông dân. Những bất cập đó khiến cho một bộ phận nông dân không thiết tha với đồng ruộng, tình trạng ruộng đất bị bỏ hoang ngày càng tăng và đến vụ xuân năm 2016 có 83 xã, thị trấn với 950 ha tập trung ở các huyện Ý Yên, Trực Ninh, Nam Trực, Mỹ Lộc [3]. Vì vậy, cần phải tìm ra cách thức sản xuất mới để ngành nông nghiệp của Tỉnh khai thác được tiềm năng, lợi thế phát triển hiệu quả và bền vững.

Nhận thức được tình hình trên, Nam Định đã ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp (DN) đầu tư vào nông nghiệp; hỗ trợ tổn thất trong sản xuất nông, thủy sản; khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (KH-CN) vào SXNN; thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững (PTBV)... Tuy nhiên, kết quả thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Để góp phần vào giải quyết vấn đề này, cần có những nghiên cứu cơ bản về lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn và phải có những phân tích đánh giá thực trạng, từ đó phát hiện ra các nguyên nhân, tìm kiếm giải pháp để ngành nông nghiệp của Tỉnh phát triển theo hướng bền vững. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài: ***“Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định”*** làm luận án tiến sỹ kinh tế, chuyên ngành Kinh tế phát triển vừa có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp (PTNN) theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2006 - 2016 và đề xuất giải pháp thúc đẩy PTNN theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xây dựng cơ sở lý luận về PTNN theo hướng bền vững ở địa bàn cấp tỉnh;
- Nghiên cứu kinh nghiệm về PTNN theo hướng bền vững ở một số địa phương có điều kiện tương đồng để rút ra bài học cho tỉnh Nam Định;
- Phân tích, đánh giá thực trạng PTNN theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định giai đoạn 2006 - 2016 trên cơ sở khung lý luận đã xây dựng ở chương 2;
- Đề xuất phương hướng và giải pháp PTNN theo hướng bền vững ở tỉnh Nam Định đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là PTNN tỉnh Nam Định dưới góc nhìn bền vững. Đề tài luận án chỉ tập trung nghiên cứu phát triển ngành nông nghiệp dựa trên cơ sở lý luận về PTBV, không đi sâu nghiên cứu về lĩnh vực chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến PTNN.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Đề tài luận án nghiên cứu ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng, bao gồm nông, lâm, thủy sản, không nghiên cứu diêm nghiệp do Nam Định chưa có số liệu thống kê về nghề muối. PTNN theo hướng bền vững được tiếp cận dưới góc độ kinh tế phát triển, tức là xem xét, phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Nam Định trên ba trụ cột: bền vững về kinh tế, tức là tăng trưởng nông nghiệp ổn định trong thời gian dài và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; bền vững về xã hội được xem xét trên giác độ tăng trưởng nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong SXNN như: việc làm, xóa đói giảm nghèo, thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống người SXNN; bền vững về môi trường được xem xét tăng trưởng nông nghiệp gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT và ứng phó BĐKH.